| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẠ LANG**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05/4/2018
*V/v: Xin ly hôn.*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG - CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nông Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nông Thị Điềm.

2. Ông Đàm Thanh Xuân.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Ma Thị Sao - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang tham gia phiên tòa*:** Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2017 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXDS - ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Mông Thị E. Có mặt.

2. Bị đơn: Bế Ích C. Vắng mặt không lý do.

Cùng nơi cư trú: Xóm BN, xã CN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/12/2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Mông Thị E trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn Bế Ích C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, HL, Cao Bằng ngày 18/5/201x, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm. Từ 2013 đến 2015 anh C tự ý bỏ nhà đi đâu không rõ, trong thời gian này chị vẫn ở nhà anh C để nuôi con. Tháng 8 năm 2015 hai người quay lại sống đoàn tụ, nhưng 4 tháng sau lại phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị E yêu cầu được ly hôn anh C. Sau khi ly hôn chị E tự nguyện để anh C chăm sóc, giáo dục con chung tên Bế Thị Phương L, sinh ngày 02/12/201x đến tuổi trưởng thành. Chị E sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bế Ích C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để cung cấp chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C không có mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2018, anh C khai: Các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản đúng như chị E đã trình bày. Nay chị E xin ly hôn anh C nhất trí. Hiện nay con chung đang ở với anh C, sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và buộc chị E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, phương thức cáp dưỡng theo tháng. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị E vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Toà án là vi phạm khoản 15,16  Điều 70 BLTTDS. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị cho chị E được ly hôn anh C. Giao con chung cho anh C nuôi dưỡng và buộc chị E cấp dưỡng nuội con mỗi tháng 700.000đ. Về án phí: Buộc chị E phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*1. Về tố tụng:* Bị đơn Bế Ích C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình không tham gia phiên hòa giải (lần1: ngày 20/12/2017; lần2: ngày 19/01/2018) Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tung dân sự, đây thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được vì bị đơn cố tình vắng mặt và cũng không thuộc trường hợp Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện mà vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 30/3/2018, sau đó Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa do anh C vắng mặt không lý do, phiên tòa được mở lại vào ngày 05/4/2018. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ cả hai lần và niêm yết công khai tại UBND xã CN, nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*2. Về quan hệ hôn nhân:* Chị E và anh C đăng ký kết hôn ngày 18/5/201x tại Ủy ban nhân dân xã CN, HL, Cao Bằng. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, như vậy việc kết hôn giữa chị E và anh C là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc sống không được hòa thuận, hạnh phúc. Trong cuộc sống hôn nhân

không có tiếng nói chung nên hậu quả là chị E và anh C đã ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2018, anh C nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị E. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị E và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị E và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*3. Về con chung:* Cháu Bế Thị Phương L, sinh ngày 02/12/20xx là con chung của anh C và chị E, hiện nay cháu đang sống với anh C. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả anh C và chị E đều thống nhất để anh C nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, mặc dù anh C có yêu cầu mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Nhưng xét thấy, chị E không có công việc ổn định, không có tài sản riêng. Tại phiên tòa, chị E tự nguyện chịu mức cấp dưỡng mỗi tháng 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Xét thấy mức cấp dưỡng này là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Chị E có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

*4. Về tài sản chung và các khoản nợ:* Chị E và anh C không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị E và anh C vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng và xem xét vấn đề tài sản chung, các khoản nợ bằng một vụ án khác theo quy định.

Về án phí: Chị E phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về Hôn nhân gia đình. Tại phiên tòa, mặc dù đại diện Viện kiểm sát không đề nghị chị E phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có quy định: *"Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch",* nên chị E phải chịu thêm 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng mới đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58 Luật Hôn nhân gia đình;

**Tuyên bố, xử:**

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Mông Thị E và anh Bế Ích C.

*2. Về con chung:* Chấp nhận sự thỏa thuận của chị E và anh C, giao con chung tên Bế Thị Phương L, sinh ngày 02/12/20xx cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ (bảy trăm nghìn

đồng) đến khi cháu L đủ 18 tuổi (hoặc đến khi có Quyết định hoặc Bản án khác của Tòa án thay thế), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị E có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*3. Về tài sản chung và các khoản nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị E và anh C vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng và xem xét vấn đề tài sản chung, các khoản nợ bằng một vụ án khác theo quy định.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang thu. Nay chị E còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba tram nghìn đồng).

Chị Mông Thị E có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

| **Thành viên Hội đồng xét xử** | **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà** |
|---|---|
| **Đã ký** | **Đã ký** |
| **Nông Thị Điểm** **Đàm Thanh Xuân** | **Nông Văn Tùng** |

***Nơi nhận***:
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Cô Ngân;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nông Văn Tùng**